CÔNG TY CỔ PHẦN TIG HOLDINGS

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TIG HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIG HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TIG HOLDINGS .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110042115

3. Ngày thành lập: 24/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 8, tháp B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0979363759* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh...	*4329*
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Uốn thép; Lợp mái bao phủ toà nhà, Dựng giàn giáo	*4390*
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	*4620*
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
7.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
8.	Bán buôn đồ uống	*4633*
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	*4661*

15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	*4662*
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
17.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	*0210*
18.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
19.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
20.	Khai thác dầu thô	*0610*
21.	Khai thác khí đốt tự nhiên	*0620*
22.	Khai thác quặng sắt	*0710*
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Các mặt hàng được Nhà nước cho phép)	*8299*
25.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	*9321*
26.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	*9329*
27.	Lập trình máy vi tính	*6201*
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
29.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
30.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	*6810(Chính)*
32.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	*6820*
33.	Hoạt động tư vấn quản lý	*7020*
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	*7320*
35.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
36.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
37.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	*0730*
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
39.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	*0891*
40.	Khai thác và thu gom than bùn	*0892*
41.	Khai thác muối	*0893*
42.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)	*0899*

43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	*0910*
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	*0990*
45.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
46.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
47.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
48.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
49.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
50.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	*2420*
51.	Đúc sắt, thép	*2431*
52.	Đúc kim loại màu	*2432*
53.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
54.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
55.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
56.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
57.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
59.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	*4932*
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
61.	Vận tải đường ống	*4940*
62.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	*5012*
63.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
64.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
65.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
66.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
67.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
68.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
69.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
70.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
71.	Đại lý du lịch	*7911*
72.	Sản xuất mô tô, xe máy Chi tiết: Sản xuất môtô, xe máy có bàn đạp hoặc xe đạp có một động cơ bổ trợ;	*3091*
73.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
74.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
75.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
76.	Xây dựng nhà để ở	*4101*

77.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
78.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
79.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
80.	Xây dựng công trình điện	*4221*
81.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
82.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
83.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
84.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
85.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
86.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
88.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	*4311*
89.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	*4312*
90.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
91.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
92.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
93.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện; Bán lẻ phụ tùng xe đạp;	*4773*

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ THANH HƯƠNG	Thôn Đông, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.275.000	12.750.000.000	25,500	026185002943	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.275.000	12.750.000.000	25,500		
2	PHAN THỊ NGÁT	P411 – B11, ngõ 5, đường Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.275.000	12.750.000.000	25,500	037183002747	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.275.000	12.750.000.000	25,500		

3	LÊ TRÀ MY	Số 5 Ngách 426/20, đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.450.000	24.500.000.000	49,000	001195008592	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.450.000	24.500.000.000	49,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: PHAN THỊ NGÁT Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *06/02/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *037183002747*

Ngày cấp: *05/05/2017* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *P411 – B11, ngõ 5, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P411 – B11, ngõ 5, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội